|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG** | **Mã DN:**  **Phiếu điều tra số:** | **BỘ CÔNG THƯƠNG** | |  |  | | --- | --- | |  |  | |

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

**TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG VÀ GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2016**

|  |  |
| --- | --- |
| *Thực hiện Quyết định số /QĐ-BCT ngày tháng năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra thống kê thương mại điện tử* | *Nghĩa vụ cung cấp thông tin theo phiếu này được quy định tại Điều 16 và 32 của Luật thống kê* |
| *Các thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Điều 6, Khoản 3, Luật Thống kê. Cụ thể: Nghiêm cấm các hành vi tiết lộ thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân khi chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó.* |

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP**

**1. Tên doanh nghiệp**:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)*

*Mã số thuế*

**2. Địa chỉ doanh nghiệp:**   *Sở Công Thương ghi*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

- Tỉnh/thành phố:…………………………………………………………….

- Huyện/quận (Thị xã, TP thuộc tỉnh):……………………………………….

- Xã/ phường/thị trấn:…………………………………………………………

- Thôn ấp (số nhà, đường phố):……………………………………………………………………..

*Mã khu vực Số máy*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

- Số điện thoại

- Số fax:

- Địa chỉ email:……………………………………………………………………………………...

**3. Loại hình doanh nghiệp (chỉ chọn 1 câu trả lời)**

*Khu vực doanh nghiệp nhà nước : Khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước:*

|  |  |
| --- | --- |
| ❑ Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước  ❑ Công ty cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn nhà nước > 50%  ❑ Công ty nhà nước | ❑ Công ty cổ phần, Công ty TNHH có vốn nhà nước ≤ 50%  ❑ Doanh nghiệp tư nhân  ❑ Công ty hợp danh  ❑ Công ty TNHH tư nhân  ❑ Công ty cổ phần không có vốn nhà nước  *Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:*  ❑ DN 100% vốn nước ngoài  ❑ DN liên doanh với nước ngoài |

**4. Các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu (có thể chọn 1 hoặc nhiều câu trả lời)**

|  |  |
| --- | --- |
| ❑ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản  ❑ Khai khoáng  ❑ Công nghiệp chế biến, chế tạo  ❑ Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí  ❑ Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải  ❑ Dệt may  ❑ Xây dựng  ❑ Bán buôn, bán lẻ  ❑ Vận tải kho bãi | ❑ Dịch vụ lưu trú và ăn uống  ❑ Thông tin và truyền thông  ❑ Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm  ❑ Hoạt động kinh doanh bất động sản  ❑ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ  ❑ Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ  ❑ Giáo dục và đào tạo  ❑ Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội  ❑ Nghệ thuật, vui chơi và giải trí  ❑ Khác………………………………………... |

**5. Tổng số lao động bình quân theo hợp đồng năm 2016:**............................................................

**II. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Doanh nghiệp sử dụng Internet trong hoạt động sản xuất kinh doanh không? (chỉ chọn 1 câu trả lời)**

❑ Có ❑ Không

**2. Tỷ lệ lao động thường xuyên sử dụng e-mail trong công việc (tỷ lệ % trên tổng số lao động) (chỉ chọn 1 câu trả lời)**

❑ Dưới 10% ❑ Từ 11-50% ❑ Trên 50%

**3. Doanh nghiệp có website thương mại điện tử không? (chỉ chọn 1 câu trả lời)**

❑ Có ❑ Không

Nếu có, địa chỉ website của doanh nghiệp:………………………………………………………….

**4. Tỷ lệ chi phí các hạng mục sau trong tổng chi phí mua sắm, trang bị và ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử (CNTT và TMĐT) của doanh nghiệp trong năm 2016 là (tổng 4 tỷ lệ phải bằng 100%):**

4.1. Chi phí mua sắm, trang bị phần cứng: ……….….…...%

4.2. Chi phí mua sắm, trang bị phần mềm: ………………..%

4.3. Chi phí nhân sự, đào tạo cho hoạt động CNTT và TMĐT: ……….%

4.4. Chi phí khác: ………….…%

**5. Doanh nghiệp có áp dụng biện pháp bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử không? (chỉ chọn 1 câu trả lời)**

❑ Có ❑ Không

**6. Doanh nghiệp có sử dụng những phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động thương mại điện tử nào sau đây: (chỉ chọn 1 câu trả lời trong mỗi mục)**

|  |  |
| --- | --- |
| 6.1. Soạn thảo văn bản | ❑ Có ❑ Không |
| 6.2. Quản lý nhân sự | ❑ Có ❑ Không |
| 6.3. Kế toán, tài chính | ❑ Có ❑ Không |
| 6.4. Quản lý hệ thống cung ứng (SCM) | ❑ Có ❑ Không |
| 6.5. Quan hệ khách hàng (CRM) | ❑ Có ❑ Không |
| 6.6. Lập kế hoạch nguồn lực (ERP) | ❑ Có ❑ Không |

**III. GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VỚI KHÁCH HÀNG**

**1. Doanh nghiệp có thực hiện giao dịch nào sau đây (chỉ chọn 1 câu trả lời)**

**1.1. Bán hàng hóa, dịch vụ trên mạng**

❑ Có ❑ Không ❑ Sẽ bán trong năm 2017

**1.2. Mua hàng hóa, dịch vụ trên mạng**

❑ Có ❑ Không ❑ Sẽ mua trong năm 2017

**2. Doanh nghiệp đặt hàng và nhận đơn đặt hàng theo các phương thức nào sau đây:**

**2.1. Nhận đơn đặt hàng**

2.1.1. E-mail (chỉ chọn 1 câu trả lời) ❑ Có ❑ Không

2.1.2. Website (chỉ chọn 1 câu trả lời) ❑ Có ❑ Không

**2.2. Đặt hàng**

2.2.1. E-mail (chỉ chọn 1 câu trả lời) ❑ Có ❑ Không

2.2.2. Website (chỉ chọn 1 câu trả lời) ❑ Có ❑ Không

**3. Tỷ lệ doanh thu các đơn hàng doanh nghiệp đã nhận qua e-mail và website trên tổng doanh thu năm 2016 là: (chỉ chọn 1 câu trả lời)**

❑ Dưới 20% ❑ Từ 21-50% ❑ Trên 50%

**4. Tỷ lệ chi phí các đơn hàng doanh nghiệp đã đặt qua e-mail và website trên tổng chi phí năm 2016 là: (chỉ chọn 1 câu trả lời)**

❑ Dưới 20%

❑ Từ 21-50%

❑ Trên 50%

**5. Doanh nghiệp có tham gia giao dịch thương mại điện tử trên mạng xã hội hay không?**

5.1. Để mua hàng (chỉ chọn 1 câu trả lời)

❑ Có ❑ Không ❑ Sẽ mua trong năm 2017

5.2. Để bán hàng (chỉ chọn 1 câu trả lời)

❑ Có ❑ Không ❑ Sẽ bán trong năm 2017

**6. Doanh nghiệp có tham gia giao dịch trên website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử hay không?**

6.1. Để mua hàng (chỉ chọn 1 câu trả lời)

❑ Có ❑ Không ❑ Sẽ tham gia giao dịch trong năm 2017

6.2. Để bán hàng (chỉ chọn 1 câu trả lời)

❑ Có ❑ Không ❑ Sẽ tham gia giao dịch trong năm 2017

**7. Doanh nghiệp có ứng dụng bán hàng trên thiết bị di động (mobile application) hay không?**

7.1 Để mua hàng (chỉ chọn 1 câu trả lời)

❑ Có ❑ Không ❑ Sẽ xây dựng trong năm 2017

7.2. Để bán hàng (chỉ 1 chọn câu trả lời)

❑ Có ❑ Không ❑ Sẽ xây dựng trong năm 2017

**8. Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử (TMĐT) nào sau đây không? (chỉ chọn 1 câu trả lời trong mỗi mục)**

|  |  |
| --- | --- |
| 8.1. Cung cấp dịch vụ TMĐT (Sàn giao dịch TMĐT/ Dịch vụ khuyến mại trực tuyến/Dịch vụ đấu giá trực tuyến) | ❑ Có ❑ Không |
| 8.2. Xây dựng và thiết kế website | ❑ Có ❑ Không |
| 8.3. Cung cấp các phần mềm tác nghiệp phục vụ TMĐT | ❑ Có ❑ Không |
| 8.4. Cung cấp giải pháp thanh toán | ❑ Có ❑ Không |
| 8.5. Chứng thực chữ ký số | ❑ Có ❑ Không |
| 8.6. Đào tạo về TMĐT | ❑ Có ❑ Không |
| 8.7. Tư vấn ứng dụng TMĐT | ❑ Có ❑ Không |
| 8.8. Các dịch vụ giá trị gia tăng khác về TMĐT | ❑ Có ❑ Không |

**9. Doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ công trực tuyến hay không? (chỉ chọn 1 câu trả lời)**

❑ Có ❑ Không ❑ Sẽ sử dụng trong năm 2017

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | …………, ngày…..tháng…..năm 201…. |
| **Cán bộ điều tra**  (Ký, họ tên) | **Người trả lời phiếu**  (Ký, họ tên) | **Thủ trưởng đơn vị**  (Ký, họ tên, đóng dấu) |